

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,
giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 14 tháng 10 năm 2025 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 17 tháng 3 năm 2026; Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 về lãnh đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045; Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp 5 năm (2026 - 2030).

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (*sau đây gọi tắt là Chương trình*), với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chương trình; làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực, tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, bền vững.

2. Yêu cầu

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm nghiêm túc, đồng bộ, thống nhất; bám sát mục tiêu, nhiệm vụ được giao; phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động, tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công; tăng cường phối hợp chặt chẽ, bảo đảm kịp thời, hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Chủ động lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Chương trình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THEO BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Rà soát, phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo nhóm

Đồng Tháp có tổng số 102 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 82 xã và 20 phường. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức rà soát, xác định và ban hành danh sách các xã theo từng nhóm để làm cơ sở

chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026), cụ thể như sau:

- Xã nhóm 1 là xã liền kề đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị hoặc xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%, hoặc xã được định hướng là đô thị mới: 23 xã.

- Xã nhóm 2 là xã không thuộc xã nhóm 1 và xã nhóm 3: 59 xã.

- Xã nhóm 3 là xã khu vực II và xã khu vực III thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cấp có thẩm quyền phân định theo quy định: Không có.

2. Kết quả rà soát, đánh giá thực trạng theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Qua rà soát, đánh giá sơ bộ hiện trạng mức độ đạt các tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ đối với 82 xã trên địa bàn tỉnh, kết quả như sau:

- Bình quân số tiêu chí đạt được của các xã còn thấp; trong đó, nhóm 1 (23 xã) đạt bình quân 2,61 tiêu chí/xã; nhóm 2 (59 xã) đạt bình quân 2,63 tiêu chí/xã.

- Phần lớn các xã đã đạt Tiêu chí số 4 về đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, Tiêu chí số 6 về giảm nghèo và an sinh xã hội, Tiêu chí số 9 về xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công. Tuy nhiên, nhiều tiêu chí và nội dung tiêu chí chưa đạt, tập trung chủ yếu ở các nhóm tiêu chí sau:

+ Tiêu chí số 1 (Quy hoạch): sau khi Quy hoạch tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 13/5/2026, các xã trên địa bàn tỉnh đang triển khai lập quy hoạch chung, làm cơ sở để lập quy hoạch chi tiết và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị, nông thôn theo quy định. Do các nội dung này đang trong quá trình thực hiện, đến thời điểm hiện nay các địa phương chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Tiêu chí theo quy định;

+ Tiêu chí số 2 (Hạ tầng kinh tế - xã hội): do một số công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng trong thời gian dài, hiện đang có dấu hiệu xuống cấp, trong khi yêu cầu nâng mức đạt chuẩn theo quy định mới ngày càng cao, đã tạo áp lực lớn về nguồn lực tài chính đối với các địa phương trong việc nâng cấp, sửa chữa để đạt tiêu chí theo quy định mới;

+ Tiêu chí số 3 (Phát triển kinh tế nông thôn): việc chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp chưa đồng đều; mặt khác, biến đổi khí hậu, yêu cầu thị trường ngày càng cao và diễn biến phức tạp của tình hình địa chính trị đang tạo áp lực lớn đối với kinh tế nông thôn;

+ Tiêu chí 5 (Văn hóa, Giáo dục, Y tế): đa số các xã chưa đạt các nội dung tiêu chí về phát triển giáo dục, tiêu chí quốc gia về y tế và yêu cầu về cơ sở vật chất văn hóa; việc thực hiện để đáp ứng yêu cầu nội dung tiêu chí đòi hỏi nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước rất lớn, cần có lộ trình thực hiện phù hợp và không thể đáp ứng trong thời gian ngắn;

+ Tiêu chí số 7 (Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số): việc triển khai tại các xã còn hạn chế, thiếu đồng bộ, hiệu quả; đặc biệt là chưa đáp ứng yêu cầu về phục vụ công cộng và chính quyền số đối với điểm bưu chính và xây dựng mô hình áp thông minh theo quy định;

+ Tiêu chí số 8 (Môi trường và cảnh quan nông thôn): còn nhiều nội dung chưa đạt, đặc biệt là hạ tầng bảo vệ môi trường còn thiếu đồng bộ, tình trạng ô nhiễm rác thải, nước thải còn xảy ra tại một số địa bàn nông thôn, cảnh quan nông thôn chưa đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp;

+ Tiêu chí số 10 (Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng): tình hình an ninh trật tự ở một số địa phương chưa được duy trì ổn định, một số xã hiện còn phức tạp về an ninh trật tự; bên cạnh đó, nhiều địa phương chưa đủ điều kiện đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống giám sát an ninh ứng dụng camera AI trên địa bàn toàn xã theo yêu cầu tiêu chí.

(Kết quả chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

3. Kết quả rà soát, đánh giá thực trạng theo quy định xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030

Qua rà soát hiện trạng các xã theo Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho thấy: đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa có xã nào đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

Cụ thể, chưa có xã đáp ứng quy định thứ nhất (*đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030*), do hiện chưa có xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí mới áp dụng cho xã nhóm 1.

Đồng thời, các xã cũng chưa đáp ứng các điều kiện còn lại, gồm:

+ Thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm xét, công nhận cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh tại cùng thời điểm.

+ Đạt các tiêu chí nông thôn mới hiện đại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

4. Kết quả rà soát, đánh giá thực trạng theo quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với xuất phát điểm là tỉnh đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Đồng Tháp có nền tảng và điều kiện thuận lợi để tiếp tục phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn 2026 - 2030.

Tuy nhiên, do các quy định trong giai đoạn 2026 - 2030 có yêu cầu cao hơn so với giai đoạn trước, trong đó nâng mức đạt đối với một số điều kiện (các điều kiện số 1, 2, 3, 4 và 12); đồng thời, bổ sung mới 08 điều kiện (các điều kiện số 5,

6, 7, 8, 9, 10, 11 và 13), nên tại thời điểm rà soát, đánh giá hiện nay, tỉnh chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Quan điểm

Xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh phải đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; lấy người dân làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu của quá trình phát triển; bảo đảm phát triển toàn diện, bao trùm, tiến bộ và công bằng xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau. Phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, gắn với công nghiệp hóa, đô thị hóa; chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường; gắn phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân và giữ gìn bản sắc văn hóa nông thôn.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát, đánh giá và tổ chức thực hiện Chương trình, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ người dân.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội; nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và các rủi ro phi truyền thống, nhất là tại địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa; bảo đảm phát triển bền vững trong mọi điều kiện.

Thực hiện Chương trình theo hướng tích hợp, đa mục tiêu, quản trị thống nhất và phối hợp liên ngành; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; gắn kết chặt chẽ với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, chính sách phát triển khác, bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo, dàn trải, nâng cao hiệu quả tổng thể.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, văn minh, giàu đẹp, phát triển toàn diện và bền vững, gắn với quá trình đô thị hóa, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, tuần hoàn, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch nông thôn và các ngành nghề nông thôn; nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân.

Thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, địa phương; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; củng cố khối đại

đoàn kết toàn dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2030 tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030.

Có 100% số xã trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Có ít nhất 09 xã đạt nông thôn mới hiện đại theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh.

Tỉnh Đồng Tháp được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

(Chi tiết Phụ lục 02 đính kèm)

3. Các nội dung thực hiện (thực hiện Hợp phần thứ nhất của Chương trình)

3.1. Nội dung thành phần 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế của địa phương và phát triển bền vững.

3.1.1. Mục tiêu: Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 01 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3.1.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch tỉnh theo quy định. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc.

Nội dung 02: Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định sau khi có hướng dẫn cụ thể của cơ quan cấp trên.

3.1.3. Cơ quan tham mưu và hướng dẫn thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện quy hoạch tỉnh, bảo đảm làm cơ sở định hướng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, phân bố không gian phát triển, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

Sở Xây dựng chủ trì, tham mưu, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 02 đối với quy hoạch cấp xã.

3.2. Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.2.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 02 về Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Đạt yêu cầu các điều kiện số 04, số 06, số 11 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 đã được ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (*bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông*) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, ấp; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên ấp theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù của địa phương và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng địa phương; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã an toàn khu, biên giới, xã đảo và vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu.

Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là tại các xã an toàn khu, biên giới, xã đảo, vùng có nguy cơ rủi ro cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

Nội dung 04: Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cho các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo (*điện mặt trời, điện gió, ...*) phù hợp điều kiện của địa phương, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.

Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; nhân rộng mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm tại

các xã nông thôn mới; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ cho các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 07: Phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung; hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, bảo quản, sơ chế, sấy, chế biến; hệ thống kho bãi, kho lạnh, trung tâm cung ứng - thu mua và logistics nông sản tại vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng từng bước hiện đại, đồng bộ với quy hoạch sản xuất, góp phần nâng cao khả năng bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đồng thời, đầu tư, nâng cấp hạ tầng làng nghề phù hợp với quy mô sản xuất của địa phương.

Nội dung 08: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn đảm bảo phủ sóng, Internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất; duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số; từng bước hình thành các mô hình “ấp thông minh”, “nông thôn số”. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (*bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các ấp*). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 10: Phát triển hệ thống cấp nước sạch tập trung, nhỏ lẻ tại các xã hoặc liên xã phù hợp với đặc thù của địa phương, bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững, trong đó tập trung, ưu tiên đầu tư tại các xã khu vực biên giới; khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; khu vực bãi ngang, ven biển và xã đảo và hỗ trợ cấp nước hộ gia đình đạt chuẩn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ trên địa bàn khó tiếp cận với nước sạch tập trung.

Nội dung 11: Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường. Phát triển hạ tầng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 12: Thực hiện bố trí ổn định dân cư (*với các hình thức bố trí: Tập trung hình thành điểm dân cư mới; xen ghép vào các điểm dân cư hiện có hoặc ổn định tại chỗ đối với địa bàn không có quỹ đất để bố trí tái định cư*) theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng: Thiên tai, biên giới, xã đảo, khu rừng đặc dụng (*theo danh mục dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt*).

Nội dung 13: Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới

thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp.

3.2.3. Cơ quan tham mưu và hướng dẫn thực hiện

Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01,13,14;

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung: 02, 03, 07, 10, 11, 12.

Sở Công Thương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung: 04, 06.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 09.

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 05.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 08.

3.3. Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và thích ứng với thị trường.

3.3.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Đạt yêu cầu các điều kiện số 08, số 10 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3.3.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và thích ứng với thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất tốt (*VietGAP, GlobalGAP*), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.

Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ.

Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô

lớn, liên kết chuỗi giá trị, chế biến sâu và tiêu thụ bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm.

Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.

Nội dung 05: Phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng bền vững, nâng tầm thương hiệu làng nghề phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và văn hóa của địa phương; chuyển đổi số, xây dựng bản đồ số làng nghề; khuyến khích tham gia hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam, Festival bảo tồn và phát triển làng nghề hàng năm.

Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn đặc trưng; đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh phát triển sản phẩm du lịch gắn với sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, du lịch xanh, tạo sinh kế bền vững những xã có điều kiện phát triển du lịch.

Nội dung 07: Kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn.

Nội dung 08: Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững; tập trung phát triển các ngành hàng nông nghiệp chủ lực của tỉnh như: lúa chất lượng cao gắn với giảm phát thải khí nhà kính, cây ăn trái xuất khẩu, thủy sản nước ngọt, ngành hàng sen và hoa kiểng; gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để giảm nghèo, phù hợp với điều

kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã biên giới và xã đảo; gắn với ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.

3.3.3. Cơ quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung: 01, 03, 04, 05, 08, 09, 10.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung 06.

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện nội dung 07.

3.4. Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững.

3.4.1. Mục tiêu: Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 04 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

3.4.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho lao động nông thôn. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 03: Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề), trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã an toàn khu,

biên giới và xã đảo. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.

Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và lao động cao tuổi.

3.4.3. Cơ quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 03.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

3.5. Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới.

3.5.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công, nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Đạt yêu cầu các điều kiện số 09, số 12 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3.5.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng

dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo.

Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.

3.5.3. Cơ quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

Sở Tư pháp chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 03.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

3.6. Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn.

3.6.1. Mục tiêu: Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3.6.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn; phát triển và nhân rộng các mô hình “*áp thông minh*”.

3.6.3. Cơ quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

3.7. Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn.

3.7.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Đạt yêu cầu của điều kiện số 11 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3.7.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô ấp, cụm dân cư, hộ gia đình. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình.

Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “*nông nghiệp xanh*”.

Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

3.7.3. Cơ quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 02, 03.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn thực hiện nội dung 04.

3.8. Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

3.8.1. Mục tiêu: Đạt yêu cầu một số tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3.8.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*; xây dựng, nhân rộng mô hình *“Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”*; tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình.

Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào *“Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”*; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc *“5 tự”, “5 cùng”*; Đề án *“Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”*; Đề án *“Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”*.

Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án *“Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035”*; Đề án *“Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”*; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động *“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”*; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình.

Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; thúc đẩy phong trào *“Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”*.

3.8.3. Cơ quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

Hội Nông dân tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 03, 04.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 05.

3.9. Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3.9.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

Đạt yêu cầu điều kiện số 13 thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3.9.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “*bốn tại chỗ*”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiềm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.

3.9.3. Cơ quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01.

Công an tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

3.10. Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

3.10.1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả quản trị Chương trình ở tất cả các cấp; bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, khách quan, minh bạch, gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tập trung, đồng bộ, kết nối liên thông đến xã.

100% cán bộ cấp tỉnh, 95% cán bộ cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm về quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia.

100% trưởng ấp, thành viên Ban Phát triển ấp, Ban Giám sát cộng đồng được tập huấn về quy trình tham gia thực hiện Chương trình, giám sát đầu tư, truyền thông và huy động cộng đồng.

Tối thiểu 65% số xã tổ chức định kỳ các khóa tập huấn trực tiếp, đào tạo tại chỗ cho người dân nông thôn về các nội dung của Chương trình; tư duy phát triển nông thôn hiện đại, kinh tế đa giá trị, tự chủ sinh kế và quản trị cộng đồng.

Đổi mới toàn diện công tác truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đa nền tảng và tương tác hai chiều, bảo đảm truyền tải chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình.

Tăng cường năng lực của hệ thống truyền thông các cấp, hình thành mạng lưới thông tin thông nhất đến cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và huy động sự tham gia chủ động của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện Chương trình.

Tổ chức thực hiện sâu rộng, thiết thực, hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tính lan tỏa, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm.

3.10.2. Nội dung thực hiện

Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

Nội dung 02: Bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, đặc biệt là cán bộ cơ sở. Tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

3.10.3. Cơ quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 01, 02, 03.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

IV. DỰ KIẾN LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Căn cứ kết quả đánh giá thực trạng nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (theo Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025); kết quả rà soát mức độ đạt các tiêu chí của từng xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; khả năng huy động nguồn lực của địa phương và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến lộ trình thực hiện nhằm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

1. Dự kiến lộ trình, nhiệm vụ giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo
(Chi tiết theo Kế hoạch số 629/KH-UBND ngày 10/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)

Lộ trình thực hiện phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân khoảng 0,18%/năm, bảo đảm hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo vào năm 2029 và duy trì kết quả đến năm 2030, cụ thể như sau:

- Năm 2026: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,56%, tương ứng còn 5.357 hộ (giảm 0,14%, tương ứng giảm 1.341 hộ).

- Năm 2027: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,36%, tương ứng còn 3.450 hộ (giảm 1.907 hộ).

- Năm 2028: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,16%, tương ứng còn 1.538 hộ (giảm 1.912 hộ).

- Năm 2029: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0%, hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo (giảm 1.538 hộ).

- Năm 2030: Tiếp tục duy trì tỷ lệ hộ nghèo ở mức 0%, bảo đảm không phát sinh hộ nghèo mới.

2. Dự kiến lộ trình thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới:

Để phân đầu hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 09 xã đạt nông thôn mới hiện đại; tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, lộ trình thực hiện dự kiến như sau:

- Năm 2026: Phân đầu có 15 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Các xã còn lại tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt, phân đầu mỗi xã nâng thêm từ 02 - 03 tiêu chí hoặc chỉ tiêu quan trọng.

- Năm 2027: Phân đầu có 18 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và 02 xã được công nhận đạt nông thôn mới hiện đại (*lũy kế toàn tỉnh có 33/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 40,2% và 02/82 xã đạt nông thôn mới hiện đại, đạt tỷ lệ 2,4%*); 100% xã đã được công nhận đạt chuẩn bảo đảm duy trì đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; Các xã còn lại tiếp tục nâng cao mức đạt các tiêu chí, phân đầu mỗi xã hoàn thiện thêm từ 02 - 03 tiêu chí hoặc chỉ tiêu quan trọng.

- Năm 2028: Phân đầu có 22 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và 04 xã được công nhận đạt nông thôn mới hiện đại (*lũy kế toàn tỉnh có 55/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 67,1% và 06/82 xã đạt nông thôn mới hiện đại, đạt tỷ lệ 7,3%*); 100% xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại bảo đảm duy trì đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Quy định xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030; Các xã còn lại tiếp tục nâng cao mức đạt các tiêu chí, phân đầu mỗi xã hoàn thiện thêm từ 02 - 03 tiêu chí hoặc chỉ tiêu quan trọng.

- Năm 2029: Phân đầu có 27 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và 03 xã được công nhận đạt nông thôn mới hiện đại (*lũy kế toàn tỉnh có 82/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 100% và 09/82 xã đạt nông thôn mới hiện đại, đạt tỷ lệ 11,0%*); 100% xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn

mới hiện đại bảo đảm duy trì đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Quy định xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030.

- Năm 2030: Phần đầu 100% xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại bảo đảm duy trì đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Quy định xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030; tỉnh được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 *(hoàn thành 100% mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2026 - 2030)*.

(Chi tiết tại Phụ lục 02, 03 đính kèm)

V. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Căn cứ kết quả thực hiện và huy động nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; mục tiêu thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030; kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; cơ cấu vốn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 7298/BNNMT-VPĐP ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo dự kiến tổng chi thường xuyên ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 cho tỉnh, thành phố; tổng nguồn lực dự kiến huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh khoảng 17.111,878 tỷ đồng, gồm:

1. Vốn ngân sách trung ương: dự kiến khoảng 2.009,440 tỷ đồng, chiếm khoảng 12,0%, bao gồm:

- Vốn đầu tư công: dự kiến khoảng 1.439,410 tỷ đồng *(theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*;

- Kinh phí thường xuyên: dự kiến khoảng 570,030 tỷ đồng *(theo Công văn số 7298/BNNMT-VPĐP ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*.

2. Vốn ngân sách địa phương (tỉnh, xã): dự kiến khoảng 2.732,838 tỷ đồng, chiếm khoảng 16,0%, tương đương mức đối ứng gấp khoảng 1,36 lần vốn ngân sách trung ương *(Bố trí vốn ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*.

3. Vốn tín dụng chính sách (ngân sách nhà nước): dự kiến khoảng 1.750 tỷ đồng *(ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách cho Chi nhánh*

Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh), chiếm khoảng 10,0%.

4. Vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác: dự kiến khoảng 3.589,600 tỷ đồng, chiếm khoảng 21,0%, trong đó: Chương trình MTQG về phát triển văn hóa: 2.085,600 tỷ đồng; Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035: 1.002 tỷ đồng; Chương trình MTQG hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035: 502 tỷ đồng *(Theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

5. Vốn doanh nghiệp và huy động đóng góp của cộng đồng và người dân: dự kiến khoảng 7.030 tỷ đồng *(được tính trên cơ sở tăng thêm 1,5 lần tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh đối với vốn doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp, hạ tầng thương mại dịch vụ, du lịch nông thôn, ... và vốn huy động đóng góp của cộng đồng và người dân), chiếm khoảng 41%.*

Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục cân đối ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 và hàng năm *(theo nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương)* cho các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện các dự án thành phần, nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư công thuộc Chương trình. Việc phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định có liên quan; bảo đảm đầu tư trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, không trùng lặp, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã an toàn khu, biên giới và xã đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Việc giao và tổ chức thực hiện được thực hiện ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương; Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo về dự kiến tổng chi thường xuyên ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm cho tỉnh, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, đúng trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định có liên quan *(Thông tư của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình; các văn bản của các bộ, ngành trung ương hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, ...).*

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định. Hàng năm, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm; tổ chức rà soát, phân loại các xã theo mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới làm cơ sở xây dựng lộ trình, thứ tự ưu tiên đầu tư phù hợp. Tập trung nguồn lực thực hiện các tiêu chí còn thấp, khó đạt; bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả, nâng cao chất lượng và tính bền vững của các tiêu chí, góp phần hoàn thành toàn diện mục tiêu Chương trình giai đoạn 2026 - 2030. Bên cạnh đó, ưu tiên lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác có cùng mục tiêu, đối tượng, phạm vi, địa bàn và nội dung thực hiện, bảo đảm không làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển vùng nguyên liệu, chế biến nông sản, hạ tầng thương mại - dịch vụ nông thôn theo hình thức hợp tác công tư; thúc đẩy liên kết sản xuất - tiêu thụ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển vùng nguyên liệu tập trung, xây dựng thương hiệu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và mở rộng thị trường tiêu thụ. Đồng thời, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế, các chương trình hợp tác phát triển và các tổ chức phi chính phủ để hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu, nâng cao giá trị, sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Huy động, thu hút nguồn vốn từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác của Chương trình theo quy định của pháp luật về đầu tư. Việc huy động nguồn đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp, tổ chức và người dân bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động để thực hiện Chương trình trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

Nguồn lực dự kiến thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 được xác định trên cơ sở dự kiến mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, khả năng cân đối ngân sách địa phương, khả năng huy động vốn tín dụng chính sách, vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác và nguồn lực huy động từ doanh nghiệp và cộng đồng theo tình hình thực tế của tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực sẽ được rà soát, điều chỉnh phù hợp khả năng thực hiện và quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Phát huy

hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp, bảo đảm sự lãnh đạo, điều hành thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở.

2. Chủ động rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình phù hợp với quy định của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững trong tổ chức thực hiện. Tăng cường phân cấp, trao quyền chủ động cho cấp xã gắn với trách nhiệm giải trình; phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, vươn lên thoát nghèo bền vững.

3. Hàng năm, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm; tổ chức rà soát, phân loại các xã theo mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới làm cơ sở xây dựng lộ trình, thứ tự ưu tiên đầu tư phù hợp. Tập trung nguồn lực thực hiện các tiêu chí còn thấp, khó đạt; bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả, nâng cao chất lượng và tính bền vững của các tiêu chí, góp phần hoàn thành toàn diện mục tiêu Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền với nội dung thiết thực, hình thức đa dạng, phù hợp từng đối tượng; tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp. Đồng thời, biểu dương, nhân rộng các mô hình tiêu biểu, cách làm hay, sáng kiến hiệu quả, các tập thể, cá nhân điển hình, gương mẫu trong phong trào xây dựng nông thôn mới và vươn lên thoát nghèo, góp phần lan tỏa tinh thần chủ động, sáng tạo và tự lực trong cộng đồng.

5. Tập trung hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; khuyến khích xây dựng xã nông thôn mới hiện đại tại những địa phương có điều kiện. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều, liên ngành; chú trọng phát triển sinh kế, nâng cao năng lực tự chủ của người nghèo; bảo đảm duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí sau khi đạt chuẩn, hạn chế tái nghèo.

6. Thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực; bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời các nguồn vốn theo quy định. Ưu tiên bố trí vốn cho các địa bàn khó khăn; tăng cường lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác; bảo đảm sử dụng vốn đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tránh dàn trải, trùng lặp; nâng cao hiệu quả điều phối, giám sát sử dụng nguồn lực, bảo đảm công khai, minh bạch.

7. Nâng cao hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng. Khuyến khích các tổ chức tín dụng, nhất là Ngân hàng Chính sách xã hội, các ngân hàng thương mại tham gia cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần tạo sinh kế bền vững cho người dân.

8. Tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; người dân tham gia tích cực từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đến giám sát. Tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy liên kết sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

9. Tập trung phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn, bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo hướng sinh thái, gắn với chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ. Đẩy mạnh chuyển đổi từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ cao, chuyển đổi số, cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản. Tổ chức lại sản xuất theo hướng phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã kiểu mới và doanh nghiệp nông nghiệp làm nòng cốt; tăng cường liên kết chuỗi giá trị, thu hút đầu tư, phát triển thương hiệu nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP. Đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm; phát triển đa dạng ngành nghề, dịch vụ nông thôn, nhất là thương mại, logistics, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái; xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại điện tử, góp phần mở rộng thị trường, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn toàn diện, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình.

10. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình; xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, số hóa toàn bộ quá trình quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí. Tăng cường ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS), bản đồ số nông thôn mới, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và các nền tảng số trong quản lý, giám sát, phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định; xây dựng hệ thống điều hành số, quản trị số thống nhất, liên thông từ tỉnh đến cơ sở. Thực hiện chế độ báo cáo, theo dõi, đánh giá Chương trình trên Hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu Chương trình, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, liên thông giữa các cấp, các ngành, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình.

11. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực; phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực, lãng phí; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan Thường trực Chương trình; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, điều phối, tổ chức thực hiện Chương trình và Kế hoạch này bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, cân đối nguồn vốn thực hiện Chương trình, bảo đảm không trùng lặp về nội dung, đối tượng hỗ trợ với các chương trình, dự án và chính sách khác; tham mưu giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán chi thường xuyên và phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định.

Hàng năm, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; cập nhật, phân loại các xã theo mức độ đạt chuẩn; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định lộ trình, thứ tự ưu tiên đầu tư, hỗ trợ nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của Chương trình theo kế hoạch đề ra.

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình và Kế hoạch giám sát, đánh giá hằng năm; trong đó xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện và danh sách các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại. Chủ trì tổng hợp nhu cầu vốn, xây dựng phương án phân bổ nguồn lực, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan; gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, dự án thành phần của Chương trình; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan và phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư và người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Căn cứ các văn bản quy định và hướng dẫn của Trung ương, rà soát, ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản chỉ đạo, quản lý, điều hành, hướng dẫn thực hiện; đồng thời cụ thể hóa các cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình theo hướng dẫn của Trung ương, bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh được thông suốt, đồng bộ, hiệu quả.

- Rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền, tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao nhận thức của người dân và năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách các cấp.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình và kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành tỉnh có liên quan và các địa phương tổng hợp, đề xuất cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công và dự toán chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công; chủ động cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định, đồng thời có giải pháp huy động nguồn lực hiệu quả từ các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, bảo đảm không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; bố trí ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi thông qua hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, góp phần triển khai thành công Chương trình.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 để hỗ trợ các địa phương trên địa bàn tỉnh hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển văn hóa cơ sở, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2035.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần, nội dung cụ thể được giao thuộc Chương trình. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2035.

5. Sở Y tế

Chủ trì, hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 để hỗ trợ các địa phương trên địa bàn tỉnh hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển y tế cơ sở, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2035.

6. Các sở, ngành cấp tỉnh tham gia thực hiện Chương trình

Căn cứ văn bản hướng dẫn của Trung ương và chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm kịp thời, thống nhất và phù hợp với quy định.

Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình đối với lĩnh vực phụ trách trong giai đoạn 2026 - 2030 và hàng năm; trong đó, xác định rõ mục tiêu chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp và lộ trình thực hiện cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; đảm bảo và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình và nội dung tiêu chí nông thôn mới thuộc lĩnh vực phụ trách;

Ưu tiên đề xuất cơ chế lồng ghép, phối hợp thực hiện các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực phụ trách đề tập trung hỗ trợ cho các địa phương thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo lộ trình đề ra; đồng thời nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và các điều kiện thuộc Quy định xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 *(đối với các xã có điều kiện)* theo lĩnh vực phụ trách, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và lộ trình phấn đấu của từng địa phương;

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 theo lĩnh vực phụ trách, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định, hướng dẫn của các Bộ, cơ quan Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình phấn đấu của tỉnh *(nhiệm vụ được phân công chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm)*.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung thành phần, nội dung cụ thể và sử dụng nguồn vốn được phân công chủ trì tham mưu, hướng dẫn thực hiện.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn; kịp thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định; đồng thời ghi nhận, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các chương trình hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

8. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội phù hợp với mục tiêu của Chương trình, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

9. Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Tháp

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên các chuyên trang, chuyên mục; kịp thời thông tin, tuyên truyền những cách làm hay, những mô hình kinh tế hiệu quả; biểu dương đối với các tập thể, cá nhân tiêu biểu; đồng thời, phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những vấn đề thời sự liên quan đến việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo cấp xã để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình. Căn cứ hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh về thực hiện các nội dung của Chương trình, các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn trong giai đoạn 2026 - 2030 và hàng năm; trong đó, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp và lộ trình thực hiện cụ thể, phù hợp điều kiện thực tế, khả năng cân đối nguồn lực và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm khả thi, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tổ chức thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm tại địa phương; rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng nhóm đối tượng cụ thể để xác định thứ tự ưu tiên hỗ trợ phù hợp; xây dựng kế hoạch, lộ trình thoát nghèo cụ thể đối với từng hộ, gắn với phân công tổ chức, cá nhân phụ trách theo dõi, hỗ trợ, giúp đỡ. Bảo đảm việc hỗ trợ đúng đối tượng, sát nhu cầu, nâng cao hiệu quả và tính bền vững của công tác giảm nghèo.

Chủ động cân đối, bố trí ngân sách địa phương, đồng thời tăng cường huy động, lồng ghép và sử dụng các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình, bảo đảm đúng quy định và tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường quản lý chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền giao. Kiểm soát chặt chẽ tiến độ, khối lượng và giá trị giải ngân, đảm bảo không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, ban chuyên môn trong tổ chức thực hiện các nội dung thành phần, nội dung cụ thể của Chương trình trên địa bàn nhằm thực hiện đạt các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 theo lộ trình phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; có giải pháp duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới sau khi đạt chuẩn và thực hiện hiệu quả các giải pháp nhằm hạn chế tái nghèo, bảo đảm bền vững.

Phối hợp chặt chẽ với hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trong quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội tại địa phương; kịp thời điều tra, rà soát, xác nhận đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và Nhân dân về mục tiêu, ý nghĩa và nội dung của Chương

trình; phát huy vai trò chủ thể của người dân, huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức xã hội trong thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, tham gia giảm nghèo bền vững góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Căn cứ văn bản hướng dẫn của Trung ương và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, phối hợp triển khai thực hiện Chương trình gắn với Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” và xây dựng mô hình “*Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc*”; xây dựng kế hoạch và chủ động triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình theo phân công; tổ chức tuyên truyền, vận động nhằm phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân; thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách; tăng cường vận động Quỹ “*Vì Người nghèo*” và các nguồn Quỹ an sinh xã hội khác để có thêm nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo. Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tuyên truyền, vận động các hộ vay vốn sử dụng vay đúng mục đích, có hiệu quả, qua đó góp phần thực hiện giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Về tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thực hiện nội dung, quy trình, xây dựng dự toán kinh phí tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định, bảo đảm việc triển khai thực hiện khách quan, thực chất, hiệu quả và thống nhất trên địa bàn tỉnh;

- Nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp ứng dụng chuyên đổi số trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch, thuận tiện, giảm chi phí, tăng cường khả năng tổng hợp, phân tích dữ liệu và phản ánh khách quan, thực chất kết quả xây dựng nông thôn mới tại địa phương;

- Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới đúng quy trình, nội dung, phương pháp theo hướng dẫn của Trung ương. Bên cạnh đó, tổ chức, phối hợp và phân công nhiệm vụ cho các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thực hiện hiệu quả việc giám sát, phản biện, góp ý thực hiện xây dựng nông thôn mới; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những tồn tại, hạn chế, góp phần nâng cao chất lượng, tính bền vững của kết quả xây dựng nông thôn mới.

VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Trên cơ sở các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu tại Kế hoạch này và căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công (*chi tiết theo Phụ lục 05 đính kèm*), Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, địa phương, đơn vị; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Định kỳ hằng quý (*trước ngày 15 của tháng cuối quý*), 06 tháng (*trước ngày 15 tháng 6*) và hằng năm (*trước ngày 15 tháng 12*), các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức rà soát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo Mẫu số 03 (*đối với các sở, ban, ngành tỉnh*) và Mẫu số 04 (*đối với Ủy ban nhân dân cấp xã*) tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, thực hiện chế độ báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*cơ quan Thường trực Chương trình*) để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như thành phần VII;
- Bộ NN&MT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh KV13;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Các Phòng, ban thuộc VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, P. KT(NTB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phước Thiện

¹ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.